

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 2 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	1,100,000
ABN62c	60A	30	1,200,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	1,400,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	2,660,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	6,400,000
ABS32c	5-10-15-20-30A	25	1,050,000
ABS52c	15-20-30-40-50A	35	1,170,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,940,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	3,000,000
BS32c (không vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	128,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	184,000
Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 3 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	1,270,000
ABN63c	60A	18	1,440,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,660,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	3,160,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	7,900,000
ABN803c	500-630A	45	15,000,000
ABN803c	700-800A	45	17,000,000
ABS33c	5-10-20-30A	14	1,240,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	1,380,000
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	2,260,000
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	3,700,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	8,500,000
ABS803c	500-630A	75	17,800,000
ABS803c	700-800A	75	19,000,000
ABS1003b	1000A	65	37,000,000
ABS1203b	1200A	65	39,600,000
TS1000N 3P	1000A	50	56,700,000
TS1250N 3P	1250A	50	59,400,000
TS1600N 3P	1600A	50	71,500,000
TS1000H 3P	1000A	70	59,100,000
TS1250H 3P	1250A	70	63,200,000
TS1600H 3P	1600A	70	75,300,000
TS1000L 3P	1000A	150	82,500,000
Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,650,000
ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	2,040,000
ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	3,800,000
ABN404c	250-300-350-400A	42	9,100,000
ABN804c	500-630A	45	17,000,000
ABN804c	700-800A	45	20,000,000
ABS54c	15-20-30-40-50A	22	1,700,000
ABS104c	20,30,40,50,60,75,100,125A	42	2,600,000
ABS204c	150,175,200,225,250A	42	4,300,000
ABS404c	250-300-350-400A	65	10,500,000
ABS804c	500-630A	75	21,800,000
ABS804c	700-800A	75	24,800,000
ABS1004b	1000A	65	42,400,000
ABS1204b	1200A	65	46,500,000
TS1000N 4P	1000A	50	69,300,000
TS1250N 4P	1250A	50	72,600,000
TS1600N 4P	1600A	50	87,400,000
TS1000H 4P	1000A	70	75,400,000
TS1250H 4P	1250A	70	84,700,000
TS1600H 4P	1600A	70	105,600,000
Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
32GRc	15-20-30A	1.5	500,000
32GRhS	15-20-30A	2.5	500,000
32KGRd	15-20-30A	2.5	500,000
EBS52Fb	40-50A	5	840,000
EBE102Fb	60-75-100A	5	1,520,000
EBN52c	15-20-30-40-50A	30	2,000,000
EBN102c	60-75-100A	35	2,760,000
Cầu dao điện ELCB 3 pha loại khối chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
EBN53c	15,20,30,40,50A	14	2,500,000
EBN103c	60,75,100A	18	3,300,000
EBN203c	125,150,175,200,225,250A	26	7,300,000
EBN403c	250-300-350-400A	37	13,000,000
EBN803c	500,630A	37	24,800,000
EBN803c	800A	37	31,500,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT



MCCB 3 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x In max			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABS103c FMU	20-25-32-40-50-63-80-100-125A	37	2,760,000
ABS203c FMU	100-125-160-200-250A	37	4,240,000
MCCB 4 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7,0.85,1.0)xIn max			
ABS104c FMU	20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	3,260,000
ABS204c FMU	100-125-160-200-250A	37	5,300,000
PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)			
Cuộn đóng ngắt Shunt Trip (SHT)	SHT for ABN100c~ABH250c	1,020,000	
	SHT for ABN403c~803c	1,240,000	
	SHT for ABS1003b~1204b	2,140,000	
	SHT for TS1000~1600	1,760,000	
Cuộn bảo vệ thấp áp Under Vol. Trip (UVT)	UVT for ABN100c~ABH250c	1,280,000	
	UVT for ABN403c~803c	1,520,000	
	UVT for ABS1003b~1204b	2,000,000	
	UVT for TS1000~1600	2,140,000	
Tiếp điểm phụ Auxiliary switch (AX)	AX for ABN100c~ABH250c	400,000	
	AX for ABN403c~803c	610,000	
	AX for ABS1003b~1204b	640,000	
	AX for TS1000~1600	530,000	
Tiếp điểm cảnh báo Alarm switch (AL)	AL for ABN100c~ABH250c	400,000	
	AL for ABN403c~803c	610,000	
	AL for ABS1003b~1204b	640,000	
	AL for TS1000~1600	530,000	
AL và AX	AL/AX for ABN100c~ABH250c	860,000	
Tấm chắn pha: Insulation barrier	IB-13 for ABN52~103c	12,000	
	IB-23 for ABS103c~ABN/S203c	24,000	
	B-43B for ABN/S403c	41,000	
	Barrier insulation for ABS803c/TS630	46,000	
	Barrier insulation for ABS1200b	52,000	

Cầu dao điện ELCB 4 cực loại khối chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
EBN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	4,500,000
EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	37	5,200,000
EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	10,500,000
EBN404c	250,300,350,400A	37	18,400,000

PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)		
Tay xoay (Handle) (DH loại gắn trực tiếp)	DH100-S for ABN103c	740,000
	DH125-S for ABS125c	780,000
	DH250-S for ABH250c	800,000
	N~70S for ABN403c	1,600,000
	N~80S for ABN803c	1,600,000
	EH100-S for ABN103c	1,100,000
	EH125-S for ABS125c	1,100,000
	EH250-S for ABN250c	1,140,000
(EH loại gắn ngoài)	E-70U for ABN403c	2,440,000
	E-80U for ABN803c	2,800,000
Mô tơ điều khiển On/Off cho MCCB Motor operator (MOP)	MOP M1 for ABN52c~104c	7,000,000
	MOP M2 for ABS/H103c~104c	7,560,000
	MOP M3 for ABN/S/H202c~204c	9,400,000
	MOP M4 for ABN/S/H402c~404c	11,500,000
	MOP M5 for ABN/S/H802c~804c	13,800,000
	MOP M6 for ABS1003b~1204b	16,500,000
Khóa liên động (Mechanical interlock)	MI-13S for ABN53~103c	1,080,000
	MI-23S for ABS103c	1,100,000
	MI-33S for ABN/S203c	1,140,000
	MI-43S for ABN/S403c	1,580,000
	MI-83S for ABN/S803c	1,820,000
Thanh cái	Busbar for ABN/S803c	3,300,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VND)

(Áp dụng từ ngày 01-10-2026)



Cầu dao điện loại tép MCB (gắn trên thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
LA63N 1P	6-10-16-20-25-32A	6KA	122,000
LA63N 1P	40-50-63A	6KA	127,000
LA63N 2P	6-10-16-20-25-32A	6KA	268,000
LA63N 2P	40-50-63A	6KA	274,000
LA63N 3P	6-10-16-20-25-32A	6KA	428,000
LA63N 3P	40-50-63A	6KA	440,000
LA63N 4P	6-10-16-20-25-32A	6KA	620,000
LA63N 4P	40-50-63A	6KA	710,000
LA63H 1P	6-10-16-20-25-32A	10KA	175,000
LA63H 1P	40-50-63A	10KA	202,000
LA63H 2P	6-10-16-20-25-32A	10KA	380,000
LA63H 2P	40-50-63A	10KA	428,000
LA63H 3P	6-10-16-20-25-32A	10KA	606,000
LA63H 3P	40-50-63A	10KA	732,000
LA63H 4P	6-10-16-20-25-32A	10KA	894,000
LA63H 4P	40-50-63A	10KA	1,040,000
LA63L 1P	6-10-16-20-25-32A	25KA	222,000
LA63L 1P	40-50-63A	15KA	260,000
LA63L 2P	6-10-16-20-25-32A	25KA	530,000
LA63L 2P	40-50-63A	15KA	580,000
LA63L 3P	6-10-16-20-25-32A	25KA	768,000
LA63L 3P	40-50-63A	15KA	868,000
LA63L 4P	6-10-16-20-25-32A	25KA	1,220,000
LA63L 4P	40-50-63A	15KA	1,340,000
LA125H 1P	80-100A	10KA	336,000
LA125H 1P	125A	10KA	630,000
LA125H 2P	80-100A	10KA	720,000
LA125H 2P	125A	10KA	810,000
LA125H 3P	80-100A	10KA	1,150,000
LA125H 3P	125A	10KA	1,260,000
LA125H 4P	80-100A	10KA	1,480,000
LA125H 4P	125A	10KA	1,950,000

PHỤ KIỆN MCB	
Tên hàng	Giá bán
Auxiliary switch: AX for LA/LC	316,000
Alarm switch: AL for LA/LC	316,000
Shunt for LA/LC	550,000
Auxiliary switch: AX for LB	372,000
Alarm switch: AL for LB	372,000
Shunt for LB	580,000

Cầu dao điện loại tép bảo vệ quá tải và chống rò điện RCBO			
Tên hàng	In (A)	Icn(KA)	Giá bán
LB63N 1P+N	3-6-10-16-20-25-32A	6KA	626,000
LB63N 1P+N	40-50-63A	6KA	670,000
LB40NN 1P+N	6-10-16-20-25-32A	6KA	1,140,000
LB40NN 1P+N	40A	6KA	1,220,000
LB50HW 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10KA	1,330,000
LB50HW 1P+N	40-50A	10KA	1,330,000
LB63HW 3P+N	6-10-16-20-25-32A	10KA	5,800,000
LB63HW 3P+N	40-63A	10KA	5,800,000

Cầu dao điện loại tép chống rò điện RCCB (gắn thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icn(KA)	Giá bán
LC63N 1P+N	16-25-32-40-50A	6KA	924,000
LC63N 1P+N	63A	6KA	960,000
LC63N 3P+N	16-25-32-40-50A	6KA	1,330,000
LC63N 3P+N	63A	6KA	1,450,000
LC100H 1P+N	16-25-32-40A	10KA	1,150,000
LC100H 1P+N	50-63A	10KA	1,240,000
LC100H 1P+N	80-100A	10KA	1,450,000
LC100H 3P+N	25-32-40A	10KA	1,640,000
LC100H 3P+N	50-63A	10KA	1,860,000
LC100H 3P+N	80-100A	10KA	2,200,000

Thiết bị chống sét (Surge Protective Device)			
Tên hàng	Uc [V] L/N-PE	Icu(KA)	Giá bán
BK05S-T3 2P	385V	10KV	1,840,000
BK05S-T3 4P	385V	10KV	3,640,000
BK10S-T2 2P	385V	20KA	2,000,000
BK10S-T2 3P	385V	20KA	2,320,000
BK10S-T2 4P	385V	20KA	4,000,000
BK20S-T2 2P	385V	40KA	2,280,000
BK20S-T2 3P	385V	40KA	2,660,000
BK20S-T2 4P	385V	40KA	5,500,000
BK30S-T2 2P	385V	60KA	2,660,000
BK30S-T2 3P	385V	60KA	3,300,000
BK30S-T2 4P	385V	60KA	5,940,000
BK40S-T2 1P	385V	80KA	2,440,000
BK40S-T2 2P	385V	80KA	2,900,000
BK40S-T2 3P	385V	80KA	4,600,000
BK40S-T2 4P	385V	80KA	7,200,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VNĐ)
(Áp dụng từ ngày 01-10-2026)



KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES) - AC Coil		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a ⁽¹⁾	6A (1a)	460,000
MC-9a ⁽¹⁾	9A (1a)	490,000
MC-12a ⁽¹⁾	12A (1a)	510,000
MC-18a ⁽¹⁾	18A (1a)	770,000
MC-9b ⁽²⁾	9A (1a1b)	510,000
MC-12b ⁽²⁾	12A (1a1b)	580,000
MC-18b ⁽²⁾	18A (1a1b)	820,000
MC-22b ⁽²⁾	22A (1a1b)	1,000,000
MC-32a ⁽²⁾	32A (2a2b)	1,460,000
MC-40a ⁽²⁾	40A (2a2b)	1,740,000
MC-50a ⁽³⁾	50A (2a2b)	2,260,000
MC-65a ⁽³⁾	65A (2a2b)	2,560,000
MC-75a ⁽⁴⁾	75A (2a2b)	2,900,000
MC-85a ⁽⁴⁾	85A (2a2b)	3,460,000
MC-100a ⁽⁴⁾	100A (2a2b)	4,560,000
MC-130a ⁽⁵⁾	130A (2a2b)	5,600,000
MC-150a ⁽⁵⁾	150A (2a2b)	7,100,000
MC-185a ⁽⁶⁾	185A (2a2b)	8,800,000
MC-225a ⁽⁶⁾	225A (2a2b)	10,500,000
MC-265a ⁽⁷⁾	265A (2a2b)	14,200,000
MC-330a ⁽⁷⁾	330A (2a2b)	15,400,000
MC-400a ⁽⁷⁾	400A (2a2b)	18,100,000
MC-500a ⁽⁸⁾	500A (2a2b)	35,500,000
MC-630a ⁽⁸⁾	630A (2a2b)	37,000,000
MC-800a ⁽⁸⁾	800A (2a2b)	47,600,000

CONTACTOR RELAYS		
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	700,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	860,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	940,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	780,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	950,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	1,080,000

TIẾP ĐIỂM PHỤ		
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	150,000
UA-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	150,000
UA-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	260,000
AU-100 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-185a~800a	310,000

KHÓA LIÊN ĐỘNG		
UR-2	MC-6a~150a	310,000
AR-180	MC-185a~400a	1,100,000
AR-600	MC-500a~800a	16,000,000

RƠ LÊ NHIỆT		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MT-12 ⁽¹⁾	0.63~18A	520,000
MT-32 ⁽²⁾	0.63~19A	580,000
MT-32 ⁽²⁾	21.5~40A	580,000
MT-63 ⁽³⁾	34-50, 45-65A	1,120,000
MT-95 ⁽⁴⁾	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	1,880,000
MT-150 ⁽⁵⁾	80-105A, 95-130A, 110-150A	2,760,000
MT-225 ⁽⁶⁾	85-125, 100-160, 120-185, 160-240A	4,500,000
MT-400 ⁽⁷⁾	200-330A và 260-400A	6,440,000
MT-800 ⁽⁸⁾	400-630A và 520-800A	12,100,000

RƠ LÊ ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays		
GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,160,000
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,740,000
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,260,000
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,740,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	1,080,000

(1) MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại

từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;

(2) MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ:

0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;

(3) MT-63 dùng cho từ MC-50a và MC-65a

(4) MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a

(5) MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a

(6) MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a

(7) MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a

(8) MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630a và MC-800a

* GMP22 dùng cho MC-9b~22b, GMP40 dùng cho MC32a-40a

CUỘN HÚT KHỞI ĐỘNG TỪ	
Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b	310,000
Coil for MC32a, 40a	310,000
Coil for MC-50a, 65a	370,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a	490,000
Coil for MC-130a, 150a	2,320,000
Coil for MC-185a, 225a	3,160,000
Coil for MC-330a, 400a	5,680,000
Coil for MC-630a, 800a	7,500,000

TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)		
AC-9	MC-6a~40a	580,000
AC-50	MC-50a~65a	750,000
AC-75	MC-75a~100a	750,000
HỘP CHO KHỞI ĐỘNG TỪ (Encloser)		
MW-9bB~22bB	Steel dùng cho MC-6a~22b	1,060,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-10-2026)



Cầu dao điện ACB METASOL 3 Pha (loại cố định)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
AN-06D3-06H AH6	630A	65	61,500,000
AN-08D3-08H AH6	800A	65	66,000,000
AN-10D3-10H AH6	1000A	65	67,800,000
AN-13D3-13H AH6	1250A	65	71,000,000
AN-16D3-16H AH6	1600A	65	75,500,000
AS-20E3-20H AH6	2000A	85	102,000,000
AS-25E3-25H AH6	2500A	85	142,000,000
AS-32E3-32H AH6	3200A	85	165,000,000
AS-40E3-40V AH6	4000A	85	275,000,000
AS-40F3-40H AH6	4000A	100	282,000,000
AS-50F3-50H AH6	5000A	100	289,000,000
AS-63G3-63H AH6	6300A	120	483,000,000
ACB METASOL 4 Pha (loại cố định)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D4-06H AH6	630A	65	68,000,000
AN-08D4-08H AH6	800A	65	74,000,000
AN-10D4-10H AH6	1000A	65	76,600,000
AN-13D4-13H AH6	1250A	65	80,600,000
AN-16D4-16H AH6	1600A	65	88,000,000
AS-20E4-20H AH6	2000A	85	124,000,000
AS-25E4-25H AH6	2500A	85	166,000,000
AS-32E4-32H AH6	3200A	85	198,000,000
AS-40E4-40V AH6	4000A	85	332,000,000
AS-40F4-40H AH6	4000A	100	347,000,000
AS-50F4-50H AH6	5000A	100	359,000,000
AS-63G4-63H AH6	6300A	120	628,000,000
PHỤ KIỆN ACB			
Bộ bảo vệ thấp áp	UVT coil		2,840,000
(UVT+UDC)	UDC: UVT Controller		3,060,000
Shunt Coil (cuộn mở)	SHT for ACB		1,700,000
Cuộn đóng	Closing coil for ACB		2,060,000

ACB METASOL 3 Pha loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
AN-06D3-06H NH5 without ACC	630A	65	42,000,000
AN-08D3-08H NH5 without ACC	800A	65	49,000,000
AN-10D3-10H NH5 without ACC	1000A	65	51,000,000
AN-13D3-13H NH5 without ACC	1250A	65	56,000,000
AN-16D3-16H NH5 without ACC	1600A	65	62,000,000
AS-20E3-20H NH5 without ACC	2000A	85	85,000,000
AS-25E3-25H NH5 without ACC	2500A	85	124,000,000
AS-32E3-32H NH5 without ACC	3200A	85	145,000,000
AS-40E3-40V NH5 without ACC	4000A	85	268,000,000
AS-40F3-40H NH5 without ACC	4000A	100	270,000,000
AS-50F3-50H NH5 without ACC	5000A	100	275,000,000
AS-63G3-63H NH5 without ACC	6300A	120	460,000,000
ACB METASOL 4 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D4-06H NH5 without ACC	630A	65	53,000,000
AN-08D4-08H NH5 without ACC	800A	65	59,000,000
AN-10D4-10H NH5 without ACC	1000A	65	61,000,000
AN-13D4-13H NH5 without ACC	1250A	65	65,000,000
AN-16D4-16H NH5 without ACC	1600A	65	71,000,000
AS-20E4-20H NH5 without ACC	2000A	85	110,000,000
AS-25E4-25H NH5 without ACC	2500A	85	150,000,000
AS-32E4-32H NH5 without ACC	3200A	85	180,000,000
AS-40E4-40V NH5 without ACC	4000A	85	314,000,000
AS-40F4-40H NH5 without ACC	4000A	100	334,000,000
AS-50F4-50H NH5 without ACC	5000A	100	346,000,000
AS-63G4-63H NH5 without ACC	6300A	120	615,000,000
PHỤ KIỆN ACB			
Khóa liên động (Mechanical Interlock)	2-way (dùng cho 2 ACB)		12,600,000
	3-way (dùng cho 3 ACB)		23,200,000
Tấm chắn pha	IB for ACB 630A-6300A		630,000
Mô tơ nạp	Motor		7,600,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-10-2026)



Cầu dao điện ACB SKD METASOL (Asembly in Viet Nam)							
Cầu dao điện ACB SKD METASOL 3 Pha (loại cố định)				ACB SKD METASOL 4 Pha (loại cố định)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06H AH6	630A	65	59,500,000	AN-06D4-06H AH6	630A	65	65,500,000
AN-08D3-08H AH6	800A	65	63,500,000	AN-08D4-08H AH6	800A	65	71,500,000
AN-10D3-10H AH6	1000A	65	65,000,000	AN-10D4-10H AH6	1000A	65	74,000,000
AN-13D3-13H AH6	1250A	65	69,000,000	AN-13D4-13H AH6	1250A	65	77,500,000
AN-16D3-16H AH6	1600A	65	72,500,000	AN-16D4-16H AH6	1600A	65	85,000,000
AS-20E3-20H AH6	2000A	85	98,000,000	AS-20E4-20H AH6	2000A	85	120,000,000
AS-25E3-25H AH6	2500A	85	137,000,000	AS-25E4-25H AH6	2500A	85	160,000,000
Cầu dao điện ACB SKD METASOL 3 Pha loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT				Cầu dao điện ACB SKD METASOL 4 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06H NH5 without ACC	630A	65	41,000,000	AN-06D4-06H NH5 without ACC	630A	65	50,000,000
AN-08D3-08H NH5 without ACC	800A	65	47,500,000	AN-08D4-08H NH5 without ACC	800A	65	57,000,000
AN-10D3-10H NH5 without ACC	1000A	65	49,000,000	AN-10D4-10H NH5 without ACC	1000A	65	59,000,000
AN-13D3-13H NH5 without ACC	1250A	65	52,500,000	AN-13D4-13H NH5 without ACC	1250A	65	61,500,000
AN-16D3-16H NH5 without ACC	1600A	65	60,000,000	AN-16D4-16H NH5 without ACC	1600A	65	68,000,000
AS-20E3-20H NH5 without ACC	2000A	85	81,500,000	AS-20E4-20H NH5 without ACC	2000A	85	103,000,000
AS-25E3-25H NH5 without ACC	2500A	85	120,000,000	AS-25E4-25H NH5 without ACC	2500A	85	143,000,000

Cầu dao điện ACB METASOL Draw-out							
Cầu dao điện ACB METASOL 3 Pha (Draw-out)				ACB METASOL 4 Pha (Draw-out)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06A AH6	630A	65	78,000,000	AN-06D4-06A AH6	630A	65	88,000,000
AN-08D3-08A AH6	800A	65	84,000,000	AN-08D4-08A AH6	800A	65	93,000,000
AN-10D3-10A AH6	1000A	65	86,000,000	AN-10D4-10A AH6	1000A	65	94,000,000
AN-13D3-13A AH6	1250A	65	88,000,000	AN-13D4-13A AH6	1250A	65	99,000,000
AN-16D3-16A AH6	1600A	65	97,000,000	AN-16D4-16A AH6	1600A	65	108,000,000
AS-20E3-20A AH6	2000A	85	126,000,000	AS-20E4-20A AH6	2000A	85	155,000,000
AS-25E3-25A AH6	2500A	85	162,000,000	AS-25E4-25A AH6	2500A	85	188,000,000
AS-32E3-32A AH6	3200A	85	200,000,000	AS-32E4-32A AH6	3200A	85	245,000,000
AS-40E3-40A AH6	4000A	85	307,000,000	AS-40E4-40A AH6	4000A	85	373,000,000
AS-40F3-40A AH6	4000A	100	320,000,000	AS-40F4-40A AH6	4000A	100	378,000,000
AS-50F3-50A AH6	5000A	100	347,000,000	AS-50F4-50A AH6	5000A	100	385,000,000
AS-63G3-63A AH6	6300A	120	521,000,000	AS-63G4-63A AH6	6300A	120	688,000,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-10-2026)



MCCB loại High-End, Susol Series Icu từ 50KA-150KA, Ics=100% Icu							
Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha				Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
FTU: loại không chỉnh dòng				FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units			
TD100N FTU100 3P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	3,160,000	TD100N FTU100 4P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	3,700,000
TD160N FTU160 3P	125A	50	3,760,000	TD160N FTU160 4P	125A	50	4,660,000
TD160N FTU160 3P	160A	50	4,540,000	TD160N FTU160 4P	160A	50	6,100,000
TS100N FTU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	3,160,000	TS100N FTU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	4,400,000
TS160N FTU160 3P	100, 125A	50	4,360,000	TS160N FTU160 4P	100, 125A	50	6,100,000
TS160N FTU160 3P	160A	50	4,860,000	TS160N FTU160 4P	160A	50	6,900,000
TS250N FTU250 3P	125, 160, 200A	50	6,300,000	TS250N FTU250 4P	125, 160, 200A	50	8,500,000
TS250N FTU250 3P	250A	50	7,500,000	TS250N FTU250 4P	250A	50	10,000,000
TS400N FTU400 3P	300, 400A	65	10,800,000	TS400N FTU400 4P	300, 400A	65	14,000,000
TS630N FTU630 3P	500, 630A	65	15,600,000	TS630N FTU630 4P	500, 630A	65	17,000,000
TS800N FTU800 3P	800A	65	19,600,000	TS800N FTU800 4P	800A	65	24,400,000
FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In				FMU: Adjustable thermal: 0.8~1 x In, fixed magnetic			
TD100N FMU100 3P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	3,400,000	TD100N FMU100 4P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	3,900,000
TD160N FMU160 3P	125A	50	4,180,000	TD160N FMU160 4P	125A	50	6,000,000
TD160N FMU160 3P	160A	50	4,700,000	TD160N FMU160 4P	160A	50	7,000,000
TS100N FMU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	3,400,000	TS100N FMU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	5,000,000
TS160N FMU160 3P	100, 125A	50	4,600,000	TS160N FMU160 4P	100, 125A	50	6,200,000
TS160N FMU160 3P	160A	50	5,140,000	TS160N FMU160 4P	160A	50	7,200,000
TS250N FMU250 3P	125, 160, 200A	50	6,300,000	TS250N FMU250 4P	125, 160, 200A	50	9,000,000
TS250N FMU250 3P	250A	50	7,900,000	TS250N FMU250 4P	250A	50	10,600,000
TS400N FMU400 3P	300, 400A	65	11,800,000	TS400N FMU400 4P	300, 400A	65	15,000,000
TS630N FMU630 3P	500, 630A	65	17,600,000	TS630N FMU630 4P	500, 630A	65	22,500,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	21,600,000	TS800N FMU800 4P	800A	65	28,600,000
ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ)				ETS: loại chỉnh dòng chip relay điện tử 13 bước từ 0.4~>1 x In			
TS160N ATU160 3P	125A	50	5,000,000	TS100N ETS23 3P	80A	50	5,500,000
TS160N ATU160 3P	160A	50	5,400,000	TS160N ETS23 3P	40, 80, 160A	50	6,900,000
TS250N ATU250 3P	200A	50	6,900,000	TS250N ETS23 3P	250A	50	9,400,000
TS250N ATU250 3P	250A	50	8,500,000	TS400N ETS33 3P	400A	65	14,300,000
TS400N ATU400 3P	400A	65	12,800,000	TS630N ETS33 3P	630A	65	21,800,000
TS630N ATU630 3P	630A	65	18,500,000	TS800N ETS43 3P	800A	65	25,100,000
TS800N ATU800 3P	800A	65	23,800,000				
PHỤ KIỆN MCCB Susol				Busbar (thanh cái)			
Tên hàng			Giá bán				
Shunt release: SHT for TD/TS100->800			1,000,000	Spreader SP33a for TS400-TS630			1,460,000
Undervoltage release: UVT for TD/TS100->800			1,600,000	Spreader SP43 for TS800			2,800,000
Auxiliary switch: AX for TD/TS100->800			490,000	Busbar for 3P TS1000/1250/1600N			14,600,000
Alarm switch: AL for TD/TS100->800			490,000	Motor operator (mô tơ nạp)			
Fault alarm switch: FAL for TD/TS100->800			490,000	MOP1 for TD100, 160			6,800,000
Auxiliary switch: AX for TS1000~1600			530,000	MOP2 for TS100, 160, 250			9,240,000
Alarm switch: AL for TS1000~1600			530,000	MOP3 for TS400, 630			12,600,000
Direct Rotary Handle (tay xoay)				MOP4 for TS800			15,000,000
				Extended Rotary Handle (tay xoay)			
DH1 for TD100, 160			840,000	EH1 for TD100, 160			1,460,000
DH2 for TS250			900,000	EH2 for TS250			1,520,000
DH3 for TS400, 630			1,660,000	EH3 for TS400, 630			3,260,000
DH4 for TS800			2,300,000	EH4 for TS800			3,400,000
DH5-S TS1000~1600			6,960,000	EH5-S TS1000~1600			7,960,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÂN HIỆU LS (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-10-2026)



Manual Motor Starter		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MMS-32S	0.63A (0.4~0.63)A	920,000
MMS-32S	1.0A (0.63~1.0)A	920,000
MMS-32S	1.6A (1.0~1.6)A	920,000
MMS-32S	2.5A (1.6~2.5)A	920,000
MMS-32S	4A (2.5~4)A	920,000
MMS-32S	6A (4~6)A	920,000
MMS-32S	8A (5~8)A	920,000
MMS-32S	10A (6~10)A	920,000
MMS-32S	13A (9~13)A	960,000
MMS-32S	17A (11~17)A	960,000
MMS-32S	22A (14~22)A	960,000
MMS-32S	26A (18~26)A	960,000
MMS-32S	32A (22~32A)	960,000
MMS-63S	40A (28~40)A	2,600,000
MMS-63S	50A (34~50)A	2,600,000
MMS-63S	63A (45~63)A	2,600,000
MMS-100S	75A (55~75)A	4,400,000
MMS-100S	90A (70~90)	4,900,000

PHỤ KIỆN MMS	
Tiếp điểm phụ (gắn bên trên): FX 1NO+1NC	240,000
Tiếp điểm phụ (gắn bên hông): LX 1NO+1NC	270,000
Any Trip Alarm Switch: LA 1NO+1NC	350,000
Magnetic Trip Alarm Switch: LAM 1NO+1NC	370,000

KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA loại DC Coil (DC Volt)		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a (VDC)	6A (1a)	610,000
MC-9a (VDC)	9A (1a)	680,000
MC-12a (VDC)	12A (1a)	810,000
MC-18a (VDC)	18A (1a)	1,000,000
MC-9b (VDC)	9A (1a1b)	800,000
MC-12b (VDC)	12A (1a1b)	920,000
MC-18b (VDC)	18A (1a1b)	1,280,000
MC-22b (VDC)	22A (1a1b)	1,420,000
MC-32a (VDC)	32A (1a1b)	1,700,000
MC-40a (VDC)	40A (1a1b)	1,960,000
MC-50a (VDC)	50A (1a1b)	2,680,000
MC-65a (VDC)	65A (1a1b)	3,300,000
MC-75a (VDC)	75A (1a1b)	4,340,000
MC-85a (VDC)	85A (1a1b)	5,300,000
MC-100a (VDC)	100A (1a1b)	5,360,000
MC-150a (VDC)	150A (1a1b)	7,900,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

Rơ le bảo vệ kỹ thuật số (Digital Protection Relay)				
Tên hàng		Thông số	Giá bán	
Đồng hồ điện đa năng kỹ thuật số (Digital Power MultiMeter)				
GIMAC-1000 EX,M485,5A,50Hz,AC/DC100~240V			11,000,000	
GIMAC-1000 NO,M485,5A,50Hz,AC/DC100~240V			10,500,000	
Thiết bị điều khiển và đo lường đa năng kỹ thuật số (Digital Integrated MultiMetering & Control Device)				
GIMAC-115P NO,RS,M,5A,50Hz,AC/DC110V			25,600,000	
RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays				
GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,160,000		
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,740,000		
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,260,000		
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,740,000		
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	1,080,000		
RƠ LE KỸ THUẬT SỐ- Digital motor protection relay				
Tên hàng		In (A)	Giá bán	
DMP06i-SA 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A	6,200,000	
DMP06i-TZ 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A	6,400,000	
DMP06i-TZA 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A	7,000,000	
DMP65i-S 2a1b AC/DC85~260V		5~65A	5,800,000	
DMP65i-TA 2a1b AC/DC85~260V		5~65A	6,000,000	
DMP65i-TZ 2a1b AC/DC85~260V		5~65A	6,400,000	
DMP65i-TZA 2a1b AC/DC85~260V		5~65A	7,000,000	
KHỞI ĐỘNG TỪ 4 PHA AC (Metasol)				
Tên hàng		Tiếp điểm phụ	In (A)	Giá bán
MC-9a/4			9A	680,000
MC-12a/4			12A	720,000
MC-18a/4			18A	980,000
MC-22a/4			22A	1,120,000
MC-32a/4			32A	1,700,000
MC-40a/4			40A	1,840,000
MC-50a/4			50A	2,760,000
MC-65a/4			65A	3,300,000
MC-75a/4			75A	4,300,000
MC-85a/4			85A	4,600,000
MC-100a/4		(2a2b)	100A	8,700,000
MC-130a/4		(2a2b)	130A	9,400,000
MC-150a/4		(2a2b)	150A	10,900,000
MC-185a/4		(2a2b)	185A	12,200,000
MC-225a/4		(2a2b)	225A	13,900,000
MC-265a/4		(2a2b)	265A	22,200,000
MC-330a/4		(2a2b)	330A	25,600,000
MC-400a/4		(2a2b)	400A	28,200,000
MC-500a/4		(2a2b)	500A	43,800,000
MC-630a/4		(2a2b)	630A	60,000,000
MC-800a/4		(2a2b)	800A	64,400,000